

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Vui

2. Bà Đỗ Thị Thúy Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 20/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Lê Thị Hồng, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/01/2021 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Minh T trình bày: Do quen biết anh và chị Lê Thị H tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng rất sống hạnh phúc nhưng dần về sau thường bất đồng quan điểm sống do mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn nhưng không thành. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn với chị Lê Thị H. Về con chung: Anh Lê Minh T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Lê Thị Ái L, sinh năm 1992 và Lê Thị Ái L, sinh năm 1997 cả hai đã thành niên, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng giữa cha mẹ và con. Về chia tài sản khi ly

hôn: Anh Lê Minh T trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Do không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên anh T xin vắng mặt những lần Tòa án mời sau.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 13/5/2022 chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Lê Minh T tự nguyện tiến đến hôn nhân trên cơ sở quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng dần về sau thì mâu thuẫn càng nhiều, do chuyện vợ chồng không hòa hợp nên anh T thường xuyên kiểm chuyện đánh chị. Bên cạnh đó, anh T còn có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác chị có khuyên nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T đã sống ly thân hơn 02 năm nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có hàn gắn tình cảm, nay anh T xin ly hôn chị đồng ý. Về con chung: Anh Lê Minh T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Lê Thị Ái L, sinh năm 1992 và Lê Thị Ái L, sinh năm 1997 cả hai đã thành niên, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng giữa cha mẹ và con. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Lê Thị H trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Do chị phải chăm cháu nên chị xin vắng mặt những lần Tòa án mời sau.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh T và chị Lê Thị H; Về con chung: Lê Thị Ái L, sinh năm 1992 và Lê Thị Ái L, sinh năm 1997 cả hai đã thành niên nên không đề cập, anh Lê Minh T và chị Lê Thị H thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn chị Lê Thị H có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện Mỏ Cày Bắc nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Minh T đối với chị Lê Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh T cho rằng vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống do mâu thuẫn

về kinh tế nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn với chị H. Phía chị H thì cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng dần về sau thì mâu thuẫn càng nhiều, do chuyện vợ chồng không hòa hợp nên anh T thường xuyên kiểm chuyện đánh chị. Bên cạnh đó, anh T còn có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác chị có khuyên nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T đã sống ly thân hơn 02 năm nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có hàn gắn tình cảm, nay anh T xin ly hôn chị đồng ý. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ.

Về con chung: Anh Lê Minh T và chị Lê Thị H đều thống nhất trong thời gian chung sống anh chị có hai con chung tên Lê Thị Ái L, sinh năm 1992 và Lê Thị Ái L, sinh năm 1997 cả hai đã thành niên nên không đề cập. Về chia tài sản khi ly hôn: anh Lê Minh T và chị Lê Thị H thống nhất tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Anh Lê Minh T phải nộp 300.000 đồng.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh T và chị Lê Thị H.

[2] *Về con chung*: Lê Thị Ái L, sinh năm 1992 và Lê Thị Ái L, sinh năm 1997 cả hai đã thành niên nên không đề cập.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Anh Lê Minh T và chị Lê Thị H thống nhất tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Anh Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005004 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã T, ĐKKH số 124, ngày 11/11/2013 (1b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Nhớ